

Bản án số: 984/2026/DS-PT

Ngày: 19/5/2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Ông Đào Minh Đa

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 613/2026/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2025/DS-ST ngày 05/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2604/2026/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 6323/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Minh N, sinh năm 1974; địa chỉ: số B, tỉnh lộ 8, tổ E, ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Tấn P, sinh năm 1958; địa chỉ: số B N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: số B, tổ E, ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2024); có mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh D, sinh năm 1958; địa chỉ: số A, đường Đ, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Thạch Dương Song T, sinh năm 2000; địa chỉ: số H, ấp T, xã L, Thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên hệ: số C, Quốc lộ A, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/8/2025).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị L; địa chỉ: thửa đất số 3, lô A2, tờ bản đồ số 24, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, là Luật sư thuộc Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Thành N1, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ B, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Ông Đặng Tấn P, sinh năm 1958; địa chỉ: số B N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: số B, tổ E, ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Huỳnh D, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đặng Tấn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Bùi Minh N và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Bùi Minh N cho ông Huỳnh D vay số tiền 150.000.000 đồng. Khi vay tiền, hai bên có lập Giấy biên nhận mượn tiền ngày 13/11/2021; ông D đã ký tên xác nhận nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả; khi nào cần thì ông N báo trước 10 ngày thì ông D phải trả tiền. Ông N đã giao tiền tận tay cho ông D, có ông P làm chứng. Trước đó, ông N không quen biết ông D mà thông qua lời giới thiệu của ông P (anh rể ông N) cho biết ông D là bạn quen biết.

Ngày 03/12/2023, ông N gửi thông báo qua đường bưu điện yêu cầu trả nợ nhưng ông D không phản hồi, chỉ nhắn tin qua điện thoại của ông P. Từ khi vay tiền đến nay, ông D không trả lãi và cũng không trả tiền gốc cho ông N.

Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Huỳnh D trả cho ông Bùi Minh N tổng số tiền 276.000.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/11/2021 đến ngày nộp đơn khởi kiện 28/3/2024 (tương ứng 28 tháng) với mức lãi suất 3%/tháng là 126.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Huỳnh D và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ông Huỳnh D không hề quen biết ông Bùi Minh N và ông D chỉ có mối quan hệ quen biết với ông Đặng Tấn P từ năm 2018. Khi đó, gia đình ông D có một vụ kiện liên quan về đất đai, ông P đã lừa dối ông D bằng việc tự xưng là luật sư, nhận giải quyết vụ án của ông D và đảm bảo kết quả sẽ thắng kiện 100% với số tiền phí dịch vụ lấy từ gia đình ông D nhiều lần khoảng 500.000.000 đồng. Lúc này, ông P cam kết khẳng định là nếu ông P thua kiện sẽ hoàn lại toàn bộ số tiền đã nhận của ông D, không thiếu một đồng. Cho nên, ông D hết mực tin tưởng, giao vụ việc cho ông P. Sau đó, thông qua ông P thì ông D mới gặp ông Phan Thành N1, người được giới thiệu là cán bộ cơ quan điều tra Công an tỉnh B sẽ giúp được ông D trong vụ việc này.

Khoảng năm 2018 thì nhóm người này bắt đầu viện nhiều lý do nhờ ông D lấy tài sản của mình, bảo lãnh khoản vay cho họ làm ăn. Vì ông P và ông N1 đang xử lý vụ việc của ông D nên ông D cũng không biết phải làm thế nào, mới bắt đầu lấy sổ đất của mình đi cầm cố cho những người mà ông P và ông N1 giới thiệu. Tiền bạc thì nhóm ông P và ông N1 lấy để đi mua gỗ, làm gia công nhưng giấy tờ thì chỉ để một mình ông N1 ký tên nhận tiền còn ông D phải đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất của mình.

Đầu năm 2019, ông D có mua 04 tấm ván gỗ C, có kích thước cao 20cm, ngang 180cm đến 190cm và dài 350cm của ông Nguyễn Minh Đ. Khi đến nhà ông D thì ông P ngỏ lời mua lại ván gỗ của ông D để sử dụng với giá 300.000.000 đồng. Ông P và ông Phan Thành N1 trực tiếp đến nhà ông D để lấy gỗ về và đến nay vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho ông D.

Đến tháng 8/2019, ông P và ông Nguyễn Minh Đ có đến nhà và nhờ ông D giúp đỡ ông Đ vay tiền và cầm cố xe của ông Đ cho ông D để có tiền trả ông P. Do ông P và ông Đ mang xe đi cầm cố khắp nơi nhưng không ai nhận nên nhờ ông D đại diện và giới thiệu cho. Sau đó, ông Đ đã cầm cố 01 chiếc ô tô hiệu Chevrolet 2017, số máy F16D3170390123, biển số 61A-36392 do ông Đ mua trả góp từ Công ty TNHH MTV T1 với số tiền vay là 150.000.000 đồng và lãi suất 5%, thời hạn 3 tháng.

Kể từ thời điểm giao xe và nhận tiền vay thì ông P, ông Đ không chịu đóng lãi nên ông D phải chịu trách nhiệm đóng lãi và thanh toán đủ số tiền 150.000.000 đồng và mang xe đó về. Khi mang xe Chevrolet 2017, số máy F16D3170390123, biển số 61A-36392 về thì ông D đã gửi ông Phan Thành N1 cất giữ giúp nhưng ông P đã qua nhà ông N1 mượn xe của ông D để tạm vài ngày mà không hề hỏi ý kiến của ông D. Ngoài ra, ông P đã tự ý lấy xe nêu trên trả cho ông Đ và không ai trả lại tiền lãi và tiền gốc mà ông D đã chuộc xe ra trước đó.

Đối với Giấy vay tiền ngày 13/11/2021 giữa ông D và ông Bùi Minh N là do ông Đặng Tấn P buộc ông D viết theo ý ông P vì đến thời hạn trả lãi thì ông N1 không có tiền trả lãi cho mấy người cho vay. Ông Đặng Tấn P chỉ dẫn đưa tiền cho ông D để ông D trả cho những người cầm sổ, nhưng khi đó ông P đang làm hồ sơ cho ông D trong vụ án dân sự, nên các giao dịch tiền bạc hai bên không có viết giấy đứng tên ông P và ông D. Bản thân ông D tin tưởng ông P và đứng ra bảo lãnh vay giúp ông Phan Thành N1, lãi suất 3%/tháng và ghi Giấy vay theo ông P yêu cầu. Sau khi nhận số tiền 150.000.000 đồng thì ông D đã mang số tiền trên trả cho ông Huỳnh Nhất L1 và ông D tiếp tục vay lại ông L1, lãi suất 5% để trả lại tiền cho ông P. Khi ông D trả tiền cho ông P thì ông P viện lý do ông N đang giữ giấy vay tiền ngày 13/11/2021 nên không trả lại giấy nợ gốc cho ông D và cứ hện lần hện lượt dù ông D đã yêu cầu nhiều lần.

Đến khi ông D nhận được Giấy triệu tập của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên thì ông D mới được biết Giấy vay tiền ngày 13/11/2021 chưa được hủy và hiện tại ông D đang bị ông N – người mà ông D không hề quen biết – cáo buộc trả thêm số tiền 150.000.000 đồng và lãi lần 2.

Ngoài ra, ông Phan Thành N1 có hành vi thông đồng với ông Đặng Tấn P tại vụ án tranh chấp giữa ông D (từng do ông Phan Thành N1 đại diện theo ủy quyền) với ông Bùi Minh N (do ông Đặng Tấn P đại diện theo ủy quyền) để trình bày không đúng sự thật, tự thừa nhận việc ông D nhận tiền của ông Bùi Minh N, trong khi đó ông D không hề biết ông Bùi Minh N là ai, mọi giao dịch tiền bạc thì chỉ có giữa ông D, ông Đặng Tấn P và ông Phan Thành N1.

Ông D khẳng định, ông D không hề quen biết ông Bùi Minh N hay nhận tiền từ ông N. Mọi giao dịch vay mượn và trả tiền ông D đều đưa cho ông Đặng Tấn P.

Do vậy, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Bùi Minh N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất 3%/tháng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Tấn P trình bày:

Ông Đặng Tấn P chỉ là người làm chứng trong Giấy vay tiền giữa ông D và ông N, không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì đến vụ án. Tiền do ông N đưa cho ông D trước mặt ông P. Ông P cũng không liên quan gì đến ông N1 theo như lời khai của ông D. Ông P chỉ là người giới thiệu cho ông N (là em vợ của ông P) để ông N cho ông D vay 150.000.000 đồng, đây không phải tiền của ông P; Giấy vay tiền là do ông D trực tiếp viết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thành N1 trình bày:

Giấy vay tiền ngày 13/11/2021 có nội dung ông Huỳnh D vay của ông Bùi Minh N số tiền là 150.000.000 đồng. Nguyên nhân ông D ký giấy vay tiền ông N là do ông N1 có nhu cầu vay tiền của ông D số tiền 150.000.000 đồng để trả nợ cho người khác, nên ông D phải vay tiền của người khác để đưa cho ông N1, trong đó có vay từ ông Đặng Tấn P. Tuy nhiên, để vay được tiền thì ông P yêu cầu ông D phải đứng ra bảo đảm cho ông N1 thì ông P mới cho vay tiền.

Do đó, ngày 13/11/2021, ông D có viết giấy vay số tiền 150.000.000 đồng của ông Bùi Minh N với lãi suất 3%/tháng. Sau khi viết giấy vay tiền thì ông D nhận tiền từ ông P, sau đó ông D đưa số tiền vay 150.000.000 đồng cho ông N1 và ông N1 trả nợ cho người khác. Cả ông N1 và ông D đều không biết ông N là ai và không có quan hệ vay mượn tiền gì với ông N; thực tế số tiền 150.000.000 đồng này là của ông P.

Sau một thời gian thì ông N1 có viết giấy tổng hợp nợ với ông P về toàn bộ số tiền đã vay, bao gồm cả khoản nợ mà ông D xác nhận với ông N là 150.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 13/11/2021. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N đối với bị đơn ông D, ông N1 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, vì khoản vay đó thực tế không liên quan đến ông D. Trong trường hợp ông P yêu cầu thì ông N1 sẽ có trách nhiệm trả cho ông P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2025/DS-ST ngày 05/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Minh N đối với bị đơn ông Huỳnh D về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Huỳnh D có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Minh N tổng số tiền 225.426.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng), trong đó: tiền gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 75.426.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Minh N về việc yêu cầu ông Huỳnh D trả số tiền lãi là 50.574.000 đồng (Năm mươi triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về lãi suất. Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và khởi kiện. Người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, xác định kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét lãi suất 2% từ ngày 13/11/2021 đến ngày xét xử phúc thẩm với thời gian 54 tháng với số tiền lãi là 162.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt; tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thành N1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N1 theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là “Giấy mượn tiền” ngày 13/11/2021 do chính ông D viết và ký tên. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông D không đồng ý trả số tiền nợ 150.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền trên vì cho rằng ông bị ông P buộc viết theo ý ông P và ông D đã trả số tiền cho ông P nhưng ông P không trả lại giấy nợ trên. Tuy nhiên, nguyên đơn và ông P không thừa nhận việc ông D đã trả tiền, và bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh mình bị ép buộc viết giấy nợ trên cũng như chứng cứ đã thanh toán số tiền trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn ông D trả lại số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về tiền lãi: Khoản vay theo Giấy nợ ngày 13/11/2021 là khoản vay không kỳ hạn và có lãi. Do mức lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá quy định pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 20%/năm là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét tính lãi đến ngày 28/3/2024 là không phù hợp.

Bởi lẽ, tại đơn sửa đổi bổ sung ban đầu, ông P đã có đơn yêu cầu tính lãi đến khi bản án phúc thẩm có hiệu lực. Sau khi Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án, thì ông N có “Đơn bổ sung và bản tự khai” đề ngày 18/6/2025 có chữ ký của nguyên đơn ông Bùi Minh N và người đại diện ủy quyền ông Đặng Tấn P. Nội dung thể hiện: nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử vụ án là 46 tháng trên số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng là 125.000.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 275.000.000 đồng tính đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Như vậy, ông N đã có đơn và trình bày bổ sung về yêu cầu lãi, và yêu cầu này không thuộc trường hợp phải có đơn khởi kiện bổ sung. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định yêu cầu trên vượt quá đơn khởi kiện ban đầu nên không xem xét là chưa phù hợp.

Do đó, trong trường hợp này cần điều chỉnh bản án sơ thẩm về thời gian tính lãi, cụ thể từ ngày 13/11/2021 đến ngày xét xử phúc thẩm (ngày 19/5/2026) là 54 tháng 05 ngày. Ông P chỉ yêu cầu thời hạn 54 tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận; như vậy, số tiền lãi như sau: $150.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 54 \text{ tháng} = 134.460.000 \text{ đồng}$.

[4] Tổng số tiền gốc và tiền lãi ông D phải trả cho ông N là 284.460.000 đồng.

[5] Từ những phân tích trên, kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp một phần đối với đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông D.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định. Tuy nhiên, ông D là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; Điều 296; khoản 2 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Dũng .

2. Chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Bùi Minh N là ông Đặng Tấn P.

3. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2025/DS-ST ngày 05/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Minh N đối với bị đơn ông Huỳnh D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Huỳnh D có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Minh N tổng số tiền 284.460.000 đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó: tiền gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 134.460.000 đồng (một trăm ba mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh N đối với số tiền lãi 27.540.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

3.3. Về án phí sơ thẩm:

Ông Bùi Minh N phải chịu 1.377.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 6.900.000 đồng (sáu triệu chín trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001290 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H). Trả lại cho ông Bùi Minh N số tiền 5.523.000 đồng (năm triệu năm trăm hai mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí còn lại.

Ông Huỳnh D được miễn nộp toàn bộ án phí.

4. Án phí phúc thẩm:

Ông Huỳnh D được miễn nộp.

Trả lại cho ông Bùi Minh N số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004475 ngày 14/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (19), 72.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Đinh Thị Mộng Tuyết